

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 09 THÁNG 6 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	TỔNG CỘNG						420 573	94 063	331 222			
I	CẢNG CHÍNH						76 962	28 337	48 626			
	<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						28 350	28 337	13			
1	ĐIỆN VINH TÂN 1	01/6	366/6		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600	25 601	- 1	09/6	HỘ LỚN	MÓN: 25.500,60
2	VĨNH THẮNG	07/6	1474/6	14/6	BN 0679	CỤC 5A.1	1 200	1 191	9	09/6	TD	
3	DVVT QN	02/6	1434/6	09/6	BN 2706	CÁM 4B.1	1 550	1 544	6	09/6	TD	THAY 1418/5
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						4 100		4 100			
1	KDT BẮC TRUNG BỘ	09/6	1494/6	19/6	NB 8308	CÁM 4B.1	3 100		3 100		PTCB	
2	CROMIT	09/6	1340/5	16/6	BN 1798	CỤC XỔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L3
	<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						44 512		44 512			
1	ĐIỆN VINH TÂN 1	09/6	385/6		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.1	29 400		29 400		HỘ LỚN	
2	KDT HẢI PHÒNG	02/6	1354/5	12/6	BN 3339	CÁM 5A.1	1 969		1 969		PTCB	GIA HẠN L1
3	KDT HẢI PHÒNG	02/6	1355/5	12/6	BN 2012	CÁM 5A.1	1 972		1 972		PTCB	GIA HẠN L1
4	TNV HẢI DƯƠNG	04/6	1289-C/5	11/6	BN 0679	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	
5	ĐTTM&DV	09/6	1465-B/6	16/6	BN 1818	CÁM 4B.1	1 700		1 700		TD	THAY 1465/6
6	DVVT QN	06/6	1466/6	13/6	HY 0709	CÁM 4B.1	1 900		1 900		TD	
7	ĐTTM&DV	08/6	1481/6	14/6	BN 1826	CỤC XỔ 1C	1 100		1 100		TD	
8	DVVT QN	08/6	1482/6	14/6	BN 1816	CỤC XỔ 1C	1 100		1 100		TD	
9	XDCN MỎ	08/6	1480/6	14/6	HP 4358	CỤC XỔ 1C	771		771		TD	
10	ĐTTM&DV	09/6	1485/6	16/6	BN 3046	CÁM 4B.1	1 700		1 700		TD	
11	ĐTTM&DV	09/6	1486/6	16/6	BN 3040	CÁM 4B.1	1 700		1 700		TD	
	<i>Tàu chuyển tải</i>						139 600	34 974	104 626			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						48 100	34 974	13 126			
1	ĐIỆN VINH TÂN 1	02/6	368/6		HTK CONFIDENCE	CÁM 6A.1	27 400	25 894	1 506	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 20.000 - KVCP: 7.400
2	ĐIỆN VINH TÂN 1	05/6	371/6		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 700	9 080	11 620	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 16.000 - KVCP: 4.700
	<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						91 500		91 500			
1	ĐIỆN DUYÊN HẢI	08/6	383/6		QUANG VINH 188	CÁM 6A.14	19 000		19 000		HỘ LỚN	TTHG: 6.000 - CLM: 13.000
2	ĐIỆN VINH TÂN 1	08/6	384/6		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 200		46 200		HỘ LỚN	TTCO: 25.000 - TTHG: 16.000 - KVCP: 5.200
3	ĐIỆN DUYÊN HẢI	08/6	382/6		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	26 300		26 300		HỘ LỚN	TTHG: 8.300 - CLM: 18.000
II	KHO G9-HÓA CHẤT						23 253	3 429	19 824			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						1 945	1 933	12			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 09 THÁNG 6 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1	KDT MIỀN BẮC	07/6	1472/6	17/6	BN 2398	CẨM 4A.1	1 945	1 933	12	09/6	PTCB	NGUỒN CS
<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>							4 200	1 496	2 704			
1	MIKADO	08/6	1417b/5	15/6	VIỆT THUẬN-TĐ 06	CẨM 4A.1	3 000	1 496	1 504	RÓT DỖ	TD	NGUỒN CS
2	VTA	07/6	1473/6	14/6	BN 1883	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	NGUỒN TN
<i>Tàu đã làm lệnh</i>							17 108		17 108			
1	KDT BẮC TRUNG BỘ	09/6	1489/6	19/6	NB 8611	CẨM 4A.1	3 100		3 100		PTCB	NGUỒN CS
2	CẦU ĐUỐNG	04/6	1453/6	11/6	BN 0988	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
3	THAN MIỀN TRUNG	04/6	1454/6	11/6	BN 2388	CỤC 1A	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-CS
4	KDT HẢI PHÒNG	09/6	1358/5	16/6	BN 1835	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
5	ĐTTM&DV	09/6	1383/5	16/6	BN 1309	CỤC 1C	1 128		1 128		TD	NGUỒN KC
6	ĐTTM&DV	09/6	1402/5	16/6	BN 1468	CỤC 1C	1 100		1 100		TD	NGUỒN MD
7	MV LOWLANDS CRIMSON	09/6	2 916		CẨM PHẢ 22	TNK ÚC	3 880		3 880			
8	MV LOWLANDS CRIMSON	09/6	2 929		CỬA ÔNG 06	TNK ÚC	2 300		2 300			
9	MV LOWLANDS CRIMSON	09/6	2 929		CỬA ÔNG 16	TNK ÚC	2 100		2 100			
III	KHO BẢO NGUYỄN						4 720	4 711	4 720			
<i>Tàu đã làm hàng</i>							4 720	4 711	4 720			
1	ĐIỆN PHẢ LẠI	07/6	380/6	17/6	HN 2269	CẨM 5A.14	4 720	4 711	4 720	09/6	HỘ LỚN	THAY 377/6
<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>												
<i>Tàu đã làm lệnh</i>												
IV	KHO CẢNG KM6						33 088	15 598	17 490			
<i>Tàu đã làm hàng</i>							12 995	12 909	86			
1	KDT MIỀN BẮC	08/6	1 479	18/6	HP 5097	CẨM 6B.1	1 175	1 172	3	09/6	PTCB	
2	KDT MIỀN BẮC	08/6	1 484	18/6	HP 6690	CẨM 6B.1	2 226	2 219	7	09/6	PTCB	
3	KDT MIỀN BẮC	09/6	1 487	19/6	NAM KHÁNH 86	CẨM 5A.1	3 000	2 994	6	09/6	PTCB	
4	THÁI SƠN	09/6	1 491	16/6	BN 2058	CỤC 1B	1 050	1 004	46	09/6	TD	NGUỒN QH
5	KVĐB	07/6	1 478	17/6	HD 3965	CẨM 6B.1	5 544	5 520	24	09/6	CHUYÊN VÙNG	
<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>							19 093	2 689	16 404			
1	NHÔM LÂM ĐỒNG	09/6	1 493	19/6	HOÀNG GIA 45	CẨM 5A.1	1 705		1 705		BAUXIT	
2	NHÔM LÂM ĐỒNG	09/6	1 493	19/6	HOÀNG GIA 45	CỤC 4A.2	1 375		1 375		BAUXIT	
3	KDT MIỀN BẮC	08/6	1 483	18/6	HP 6194	CẨM 6B.1	5 408	2 689	2 719	RÓT DỖ	PTCB	
4	KDT MIỀN BẮC	09/6	1 488	19/6	BN 2728	CẨM 6A.1	2 585		2 585		PTCB	
5	COALIMEX	09/6	1 490	19/6	VTT 09	CẨM 6A.1	3 150		3 150		PTCB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 09 THÁNG 6 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
6	COALIMEX	09/6	1 496	19/6	HOÀNG ANH 268	CÁM 6A.1	3 800		3 800		PTCB	
7	VTT	09/6	1 495	16/6	HP 6739	BÙN 3C	1 070		1 070		TD	NGUỒN QH
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						1 000		1 000			
1	ĐTTM&DV	09/6	1 492	16/6	BN 2112	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN DH (THAY 1401/6)
V	TÀU XUẤT KHẨU						41 300	7 014	34 286			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						5 500	5 514	- 14			
1	ĐÀI LOAN	06/6	52-B/6/XK		MV BAO HONG 10	CÁM 1	5 500	5 514	- 14	09/6		THAY 52/6/XK (MÓN: 5.500)
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						4 000	1 500	2 500			
1	HÀN QUỐC	01/6	50/6/XK		MV SHENG WEI 2	CỤC 4A.3	4 000	1 500	2 500		RỐT DỖ	
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						31 800		31 800			
1	THÁI LAN	29/5	48/5/XK		MV HOANG PHUONG STAR	CỤC 4B.3	4 800		4 800			
2	INDONESIA	29/5	49/5/XK		MV TAN BINH 259	CỤC 5B.2	25 000		25 000			
3	ZIPDARKEST	04/6	51/6/XK		MV JING ZE	CÁM 1	2 000		2 000			
VI	TÀU NHẬP KHẨU		ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				101 650	-	101 650			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						101 650		101 650			
1	ÚC		TMB		MV MOUNTAIN LION		10 000		10 000			KVCP: 10.000
2	ÚC		TMB		MV SHINE RUBY		20 000		20 000			TTCO: 15.000 - KVCP:5.000
3	MOZAMBIQUE		CLM		MV MADREDEUS		10 950		10 950			TTCO: 10.950
4	ÚC		TMB		MV LOWLANDS CRIMSON		25 000		25 000			TTCO: 15.000 - KVCP: 10.000
5	ÚC		TMB		MV MARIANNE STOEGER		10 000		10 000			TTCO: 10.000
6	LÀO		TMB		VIỆT THUẬN 26-02		5 000		5 000			TTCO: 5.000
7	ÚC		CLM		FORTUNE ATLAS		15 000		15 000			TTCO: 15.000
8	LÀO		CLM		VTA OCEANUS		5 700		5 700			KVCP: 5.700